

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG THUỐC TẠI BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH NĂM 2021

Hoàng Thy Nhac Vũ^{1,2}, Trần Anh Duyên¹,
Lê Phước Thành Nhân², Trần Văn Khanh²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Lựa chọn thuốc là một bước quan trọng trong quá trình xây dựng danh mục thuốc, góp phần đảm bảo chất lượng cho công tác khám chữa bệnh tại bệnh viện. Nghiên cứu được thực hiện nhằm khảo sát tình hình sử dụng thuốc tại bệnh viện Lê Văn Thịnh trong năm 2021. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang, được thực hiện thông qua việc hồi cứu dữ liệu liên quan đặc điểm danh mục thuốc, số lượng thuốc được sử dụng, phân nhóm thuốc theo ABC/VEN, chi phí sử dụng thuốc tại bệnh viện Lê Văn Thịnh trong năm 2021. **Kết quả:** Trong năm 2021, bệnh viện Lê Văn Thịnh đã sử dụng 1758 thuốc cho hoạt động khám chữa bệnh nội trú và ngoại trú, liên quan đến 1024 hoạt chất, 29 nhóm dược lý, với tổng chi phí sử dụng thuốc là 189,4 tỷ đồng. Bốn nhóm thuốc có chi phí sử dụng lớn trong năm 2021 tại bệnh viện là nhóm thuốc tim mạch; nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn; hormone và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết; thuốc đường tiêu hóa, với tỉ lệ lần lượt là 27,4%; 15,0%; 14,3%; 9,7%. Thuốc sử dụng tại bệnh viện năm 2021 có xuất xứ từ 44 quốc gia khác nhau, trong đó, thuốc Việt Nam chiếm 48,2%, số lượng thuốc và 39,4% ngân sách của bệnh viện. Theo phân loại ABC/VEN, tỉ lệ phân bố của các thuốc trong các nhóm 1, 2, 3 lần lượt là 53,5%; 45,5%; 1,0%. **Kết luận:** Các thông tin về tình hình sử dụng thuốc thu được từ nghiên cứu giúp bệnh viện có căn cứ để đánh giá chất lượng của việc mua sắm và sử dụng thuốc, từ đó, có thể điều chỉnh về số lượng và chủng loại thuốc khi thực hiện dự trữ, mua sắm trong những năm tiếp theo, đảm bảo phù hợp hơn với nhu cầu thực tế, hướng đến tối ưu hóa chất lượng hoạt động mua sắm và sử dụng ngân sách tại bệnh viện.

Từ khóa: danh mục thuốc, ABC, VEN, tim mạch, bệnh viện Lê Văn Thịnh, Việt Nam.

SUMMARY

CHARACTERISTICS OF DRUG UTILIZATION AT LE VAN THINH HOSPITAL IN 2021

Objectives: Drugs selection is an essential step to improving the quality of medical services at hospitals. The study was conducted to analyze the main characteristics of drug utilization at Le Van Thinh hospital in 2021. **Materials and methods:** This cross-sectional descriptive study was carried out on

the retrospective data of the drugs utilization at Le Van Thinh hospital in 2021, including characteristics of the drug list, the drugs quantity, ABC/VEN classification, and the total drugs cost. **Results:** In 2021, Le Van Thinh hospital used 1758 drugs for both inpatient and outpatient treatment, corresponding to 1024 active ingredients and 29 pharmacological groups, with a total drug cost of 189.4 billion VND. Cardiovascular drugs, anti-parasitic and anti-infective drugs, and hormones and drugs for the endocrine system; gastrointestinal drugs accounted for the largest proportion of quantity (27.4%, 15.0%, 14.3%, and 9.7% respectively). Drugs used at Le Van Thinh hospital were manufactured by 44 different countries, of which domestic drugs accounted for 48.2% in quantity, corresponding to 39.4% of the budget for drugs purchase (73.5 billion VND). According to ABC/VEN classification, the proportions of groups 1, 2, and 3 were 53.5%, 45.5%, and 1.0% respectively. **Conclusion:** Information on drugs utilization could aid the hospital in assessing the quality of drugs procurement and utilization. Optimization then could be done in terms of both procurement and budget allocation in upcoming years.

Keywords: drug list, ABC, VEN, cardiovascular, Le Van Thinh hospital, Vietnam.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, số lượng thuốc lưu hành trên thị trường không ngừng gia tăng, hoạt động cung ứng thuốc ngày càng phát triển, với sự đa dạng về chủng loại và giá cả, gia tăng sự cạnh tranh, nâng cao chất lượng của sản phẩm. Tuy nhiên, sự đa dạng về số lượng và chủng loại thuốc trên thị trường hiện nay đã gây ra những tác động nhất định đến việc lựa chọn và sử dụng thuốc trong thực tế, nhất là trong hoạt động mua sắm và lựa chọn thuốc sử dụng cho bệnh viện, phát sinh nhiều tình huống sử dụng thuốc không hợp lý và chưa thật sự tối ưu về chi phí-hiệu quả cho người bệnh.

Để cải thiện chất lượng chăm sóc y tế tại bệnh viện, đồng thời, đảm bảo sử dụng nguồn ngân sách bệnh viện một cách có hiệu quả, mỗi bệnh viện cần xây dựng danh mục thuốc đạt chất lượng, đầy đủ chủng loại, phù hợp với mô hình bệnh tật của bệnh viện, và đáp ứng được tối đa nhu cầu của người dân trong khu vực. Việc mua sắm, sử dụng thuốc cần được thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý, trên nguyên tắc dự trữ thuốc với cơ số phù hợp, theo dõi việc sử dụng thuốc trong thực tế và phát hiện những

¹Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh,

²Bệnh viện Lê Văn Thịnh

Chịu trách nhiệm chính: Hoàng Thy Nhac Vũ

Email: hoangthyhacvu@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 25.5.2022

Ngày phản biện khoa học: 1.7.2022

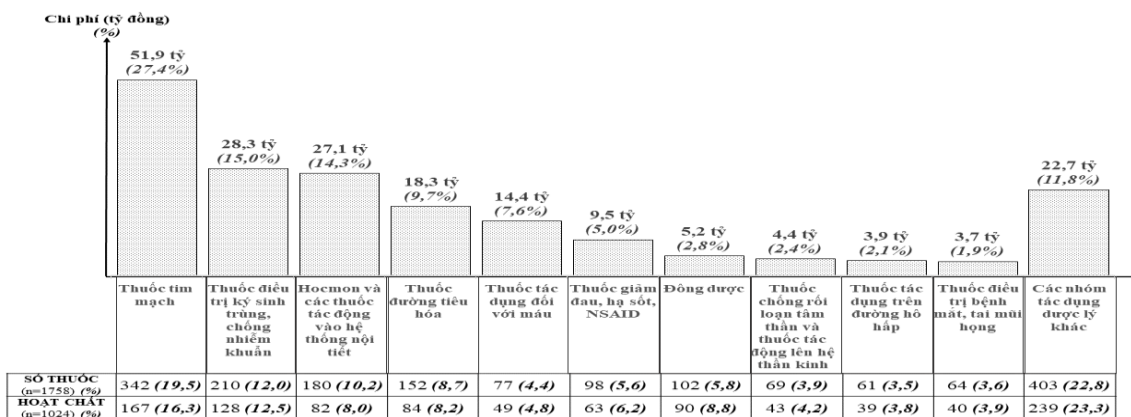
Ngày duyệt bài: 11.7.2022

vấn đề tồn đọng để có những điều chỉnh kịp thời, đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả.

Bệnh viện Lê Văn Thịnh là bệnh viện đa khoa hạng I, trực thuộc Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh. Việc xây dựng danh mục thuốc và đánh giá hoạt động sử dụng thuốc rất được cán bộ y tế và lãnh đạo tại bệnh viện quan tâm, với mong muốn đạt được hiệu quả tốt nhất trong hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện. Trong bối cảnh này, các thông tin liên quan đến việc đánh giá tình hình sử dụng thuốc sau một năm thực hiện mua sắm và sử dụng thật sự rất cần thiết, tạo căn cứ quan trọng cho việc ra các quyết định cũng như việc điều chỉnh quy định về mua sắm, lựa chọn, và sử dụng thuốc tại bệnh viện, đảm bảo đáp ứng các chính sách và yêu cầu về quản lý sử dụng thuốc của cơ quan quản lý về y tế. Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích tình hình sử dụng thuốc tại bệnh viện Lê Văn Thịnh năm 2021.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, được thực hiện thông qua việc hồi cứu dữ liệu liên quan đến tình hình sử dụng tại bệnh viện Lê Văn Thịnh trong năm 2021, bao gồm đặc điểm danh mục thuốc, số lượng thuốc được sử dụng, phân nhóm thuốc theo ABC/VEN, chi phí sử dụng thuốc.



Hình 1. Mô tả đặc điểm sử dụng của các nhóm thuốc tại bệnh viện Lê Văn Thịnh trong năm 2021

Bảng 1. Mô tả đặc điểm danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện Lê Văn Thịnh năm 2021

	Số lượng thuốc (n=1758) (%)	Số hoạt chất (n=1024) (%)
Nước sản xuất		
Việt Nam	848 (48,2)	601 (58,7)
Nước ngoài	910 (51,8)	423 (41,3)

2.2. Tổng hợp và xử lý dữ liệu: Các đặc điểm về sử dụng thuốc được mô tả theo số lượng thuốc, chi phí sử dụng thuốc, thông qua tần số và tỉ lệ phần trăm. Các phân loại về nhóm tác dụng dược lý và đường dùng được thực hiện theo phân loại của Bộ Y tế. Dữ liệu được tổng hợp, xử lý, và phân tích bằng Microsoft Excel.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

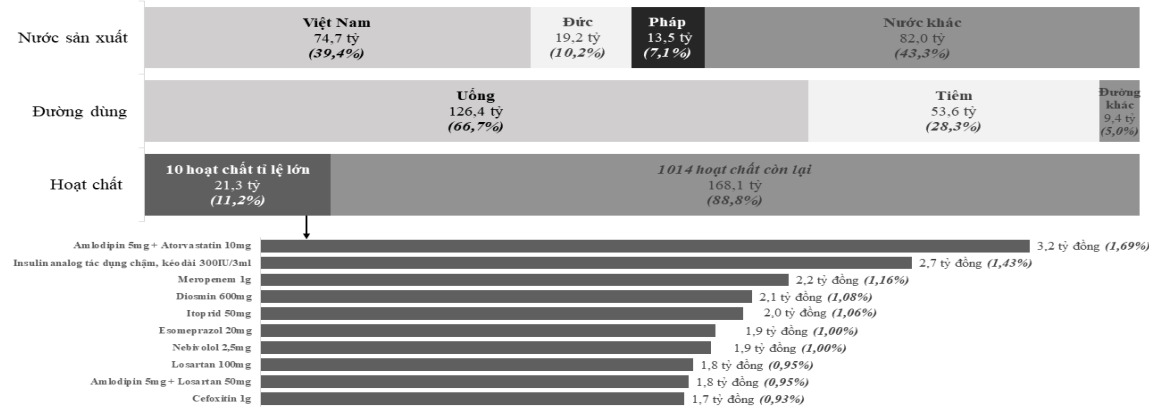
Đặc điểm danh mục thuốc sử dụng năm 2021: Trong năm 2021, bệnh viện Lê Văn Thịnh sử dụng 1758 thuốc, liên quan đến 29 nhóm tác dụng dược lý, trong đó, có 848 thuốc sản xuất tại Việt Nam (chiếm 48,2%). 1758 thuốc được sử dụng năm 2021 tương ứng với 1024 hoạt chất, trong đó, Esomeprazol 20mg là hoạt chất có nhiều thuốc nhất, với 6 loại thuốc khác nhau. Thuốc sử dụng tại bệnh viện có 11 dạng đường dùng khác nhau, trong đó, hai dạng đường dùng phổ biến nhất là đường uống và đường tiêm, với số lượng thuốc ở mỗi đường dùng chiếm tỉ lệ lần lượt là 62,7% và 25,7%. Danh mục thuốc có 102 thuốc đồng dược, tương ứng với 5,8% số lượng thuốc sử dụng năm 2021. (Bảng 1)

Bốn nhóm thuốc có số lượng nhiều bao gồm nhóm thuốc tim mạch; nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn; nhóm hormon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết; nhóm thuốc đường tiêu hóa; với tỉ lệ về số lượng thuốc có trong danh mục lần lượt là 19,5%; 12,0%; 10,2%; 8,7%. (Hình 1).

Đường dùng		
Đường uống	1103 (62,7)	634 (61,9)
Đường tiêm	451 (26,8)	248 (24,2)
Các dạng đường dùng khác	204 (10,5)	142 (13,9)
Nhóm thuốc		
Tân dược	1656 (94,2)	934 (91,2)
Đồng dược	102 (5,8)	90 (8,8)

Chi phí sử dụng thuốc: Tổng chi phí sử dụng thuốc tại bệnh viện trong năm 2021 là 189,4 tỷ đồng, trong đó, chi phí của thuốc sản xuất trong nước chiếm 39,4 %. Thuốc dùng đường uống chiếm 66,7% tổng chi phí thuốc; thuốc đường tiêm chiếm 28,3 % về tổng chi phí sử dụng thuốc trong năm 2021 tại bệnh viện. Trong 1024 hoạt chất sử dụng năm 2021,

Amlodipin 5mg + Atorvastatin 10mg, Insulin analog tác dụng chậm - kéo dài 300IU/3ml, Meropenem 1g, Diosmin 600mg, Itoprid 50mg, là những hoạt chất có chi phí sử dụng lớn tại bệnh viện, trong đó, Amlodipin 5mg + Atorvastatin 10mg là hoạt chất phối hợp có tổng chi phí cao nhất, chiếm 1,7 % chi phí mua thuốc năm 2021. (Hình 2)



Hình 2. Mô tả chi phí sử dụng thuốc tại bệnh viện Lê Văn Thịnh năm 2021 theo một số đặc điểm của danh mục thuốc

Phân loại ABC/VEN: Kết quả phân tích ABC/VEN ghi nhận số lượng thuốc trong nhóm 1 (AV, AE, AN, BV, CV) chiếm 53,5 %; nhóm 2 (BE, BN, CE) chiếm 45,5 %; và nhóm 3 (CN) chiếm 1,0% tổng số thuốc có trong danh mục. Nhóm 1 có tổng chi phí sử dụng với tỉ lệ là 82,4%. (Hình 3)

V	Nhóm 1 (AV, AE, AN, BV, CV)			Nhóm 1 (AV, AE, AN, BV, CV) 941 thuốc (53,5%) 462 hoạt chất (45,1%) 156,0 tỷ (82,4%)
	71 thuốc (4,0%) 27 hoạt chất (2,6%) 18,1 tỷ (9,6%)	43 thuốc (2,4%) 21 hoạt chất (2,1%) 2,7 tỷ (1,4%)	176 thuốc (10,1%) 106 hoạt chất (10,4%) 2,1 tỷ (1,1%)	
E	Nhóm 2 (BE, BN, CE)			Nhóm 2 (BE, BN, CE) 800 thuốc (45,5%) 546 hoạt chất (53,3%) 33,1 tỷ (17,5%)
	641 thuốc (36,5%) 302 hoạt chất (29,5%) 132,0 tỷ (69,7%)	255 thuốc (14,5%) 136 hoạt chất (13,3%) 20,6 tỷ (10,9%)	536 thuốc (30,5%) 403 hoạt chất (39,4%) 12,0 tỷ (6,3%)	
N	Nhóm 3 (CN)			Nhóm 3 (CN)
	10 thuốc (0,6%) 9 hoạt chất (0,9%) 1,1 tỷ (0,6%)	9 thuốc (0,5%) 7 hoạt chất (0,7%) 0,5 tỷ (0,3%)	17 thuốc (1,0%) 13 hoạt chất (1,3%) 0,3 tỷ (0,2%)	
	A	B	C	
Thuốc (n=1758)	722 (41,1%)	307 (17,5%)	729 (41,5%)	
Hoạt chất (n=1024)	388 (33,1%)	164 (16,0%)	522 (51,0%)	
Chi phí (n=189,4)	151,2 (79,8%)	23,8 (12,6%)	14,4 (7,6%)	

Hình 3. Mô tả đặc điểm các nhóm thuốc sử dụng tại bệnh viện Lê Văn Thịnh năm 2021 theo ma trận ABC/VEN

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu đã phân tích được những đặc điểm chính của tình hình sử dụng thuốc trong điều trị nội trú và ngoại trú, liên quan đến toàn bộ 1758 thuốc được mua sắm và sử dụng tại bệnh viện Lê Văn Thịnh trong năm 2021.

Bốn nhóm thuốc có số lượng thuốc nhiều nhất trong danh mục thuốc năm 2021 cũng là

bốn nhóm thuốc có chi phí mua sắm lớn nhất năm 2021. Đây cũng là những nhóm thuốc được ghi nhận sử dụng nhiều trong các nghiên cứu tại các bệnh viện khác ở khu vực miền Nam [2, 7]. Nghiên cứu ghi nhận nhóm thuốc tim mạch chiếm gần một phần ba tổng ngân sách mua thuốc (27,4%), và gấp đôi tỉ lệ chi phí mua thuốc của nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng, chống

nhiễm khuẩn (15,0%). Kết quả này phù hợp với mô hình bệnh tật tại Việt Nam trong vài thập kỷ gần đây, khi các bệnh lý nhiễm trùng và suy dinh dưỡng đang giảm, đồng thời với sự gia tăng của các bệnh không lây nhiễm, đặc biệt là bệnh tim mạch [1]. Hocmon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết cũng là nhóm được sử dụng nhiều thứ ba ở bệnh viện Lê Văn Thịnh, với tổng chi phí sử dụng thuốc chiếm gần một phần sáu tổng chi phí thuốc cả năm, trong đó chủ yếu liên quan đến nhóm thuốc điều trị bệnh đái tháo đường. Kết quả này phù hợp với tình hình dịch tễ bệnh đái tháo đường ở Việt Nam trong những năm gần đây, theo dữ liệu cập nhật của Liên đoàn Đái tháo đường Quốc tế ghi nhận năm 2021, Việt Nam có tỉ lệ 6,1% người trưởng thành mắc đái tháo đường [8]. Bên cạnh các thuốc tân dược, nghiên cứu ghi nhận nhóm thuốc đông dược cũng được sử dụng tương đối phổ biến tại bệnh viện, phù hợp với chính sách kết hợp đông tây y trong điều trị của Bộ Y tế. Các thuốc được sản xuất tại Việt Nam chiếm tỉ lệ đáng kể trong danh mục thuốc, với tỉ lệ sử dụng thuốc tại bệnh viện Lê Văn Thịnh cao hơn một số bệnh viện khác ở Việt Nam trong cùng giai đoạn [3, 4]. Kết quả này cho thấy bệnh viện Lê Văn Thịnh đã chú trọng đến việc sử dụng thuốc sản xuất trong nước, theo đúng chính sách ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước của Bộ Y tế.

Kết quả nghiên cứu nhận định có 10 hoạt chất có chi phí mua sắm lớn tại bệnh viện năm 2021, thuộc bốn nhóm tác dụng dược lý, trong đó, có 3 hoạt chất sử dụng bằng đường tiêm (Insulin analog tác dụng chậm-kéo dài 300IU/3ml, Meropenem 1g, và Cefoxitin 1g), và 7 hoạt chất sử dụng bằng đường uống (thuộc nhóm thuốc tim mạch và thuốc đường tiêu hóa). Tỉ lệ chi phí mua sắm các thuốc đường uống (66,7%) gấp 2,4 lần tỉ lệ chi phí mua sắm các thuốc đường tiêm (28,3%), và kết quả này tương đồng với đặc điểm sử dụng thuốc của một nghiên cứu trước đây tại bệnh viện Phú Nhuận giai đoạn 2012-2017 [2].

Theo phân loại ABC/VEN, các thuốc nhóm AE chiếm tỉ lệ chi phí lớn nhất, tương ứng với 69,7% tổng chi phí mua sắm thuốc của bệnh viện trong năm 2021. Chỉ có 10 thuốc tại bệnh viện thuộc nhóm AN và các thuốc này chiếm 0,6% tổng chi phí mua sắm, thấp hơn đáng kể so với một số bệnh viện khác ở Việt Nam trong cùng giai đoạn [3, 6]. Tại bệnh viện Lê Văn Thịnh, với mục tiêu tối ưu hóa danh mục thuốc và sử dụng hợp lý nguồn ngân sách, tỉ lệ chi phí dành cho nhóm thuốc không thiết yếu (nhóm N) chỉ chiếm 1,0%

chi phí mua sắm thuốc trong năm 2021. Các thuốc thiết yếu (nhóm E) chiếm 81,5% tổng số thuốc trong danh mục, tương đồng với đặc điểm danh mục thuốc của một số cơ sở y tế khác tại Việt Nam [4, 5, 6].

Kết quả nghiên cứu có độ tin cậy cao nhờ vào việc tổng hợp dữ liệu được thực hiện đầy đủ và chính xác từ hệ thống dữ liệu điện tử của bệnh viện. Nghiên cứu là tiền đề để bệnh viện có thể thực hiện các nghiên cứu phân tích sử dụng thuốc tập trung vào các nhóm có chi phí sử dụng lớn, khai thác được thêm các thông tin chi tiết hỗ trợ cho hoạt động đánh giá sử dụng thuốc tại bệnh viện. Năm 2021, bệnh viện Lê Văn Thịnh nói riêng và các bệnh viện trong cả nước nói chung đều tham gia vào hoạt động phòng chống dịch Covid-19, vì vậy, việc mua sắm và sử dụng thuốc có thể chịu những tác động nhất định của đại dịch Covid-19. Để có những đánh giá khách quan, chính xác và đầy đủ, các nghiên cứu tiếp theo cũng cần tiến hành phân tích tình hình sử dụng thuốc cho một giai đoạn dài hơn, từ đó, lãnh đạo bệnh viện có thể ghi nhận được xu hướng sử dụng thuốc, sự thay đổi về đặc điểm sử dụng thuốc theo thời gian và các yếu tố tác động, tạo căn cứ khoa học cho những điều chỉnh về số lượng và chủng loại thuốc trong danh mục thuốc.

V. KẾT LUẬN

Từ những kết quả thu được, nghiên cứu đã cho thấy ý nghĩa của việc khai thác, tổng hợp và phân tích các thông tin về tình hình sử dụng thuốc, từ đó, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của bệnh viện. Kết quả đạt được từ nghiên cứu giúp bệnh viện có thêm căn cứ khoa học để lựa chọn thuốc trong quá trình mua sắm thuốc và điều trị, đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế sử dụng thuốc tại bệnh viện cũng như đáp ứng được các chính sách về thuốc của Bộ Y tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2015), "Chiến lược Quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015 – 2025".
2. Huỳnh Như, Cù Thanh Tuyên, Hoàng Thy Nhac Vũ (2017), "Đặc điểm danh mục thuốc tân dược được sử dụng tại bệnh viện Phú Nhuận giai đoạn 2012-2017", Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, phụ bản tập 21, số 5, trang 135-141.
3. Nguyễn Cẩm Vân, Cao Thị Bích Ngọc, Nguyễn Trung Hà (2021), "Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2020", Tạp chí Y Dược lâm sàng 108, tập 16, số đặc biệt 11/2021, trang 81-89.
4. Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thị Thanh Hương (2021), "Phân tích cơ cấu danh mục thuốc sử dụng

tại Bệnh viện Nội tiết Trung ương giai đoạn 2019-2020", Tạp chí Y học Việt Nam, tập 501, số 1, trang 140-144.

5. **Nguyễn Thị Thu Phương, Vũ Tuấn Cường, Ngô Thị Quỳnh Mai, Nguyễn Thị Lan Anh** (2021), "Tính hợp lý trong việc xây dựng danh mục và cung ứng thuốc thông qua các chỉ số sử dụng thuốc tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng năm 2020", Tạp chí Y học Dự phòng, tập 31, số 5, trang 185-192.
6. **Nguyễn Đức Trung, Nguyễn Hồng Châu, Nguyễn Thị Thanh Hương** (2021), "Phân tích cơ

cấu thuốc sử dụng tại Trung tâm Y tế huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang năm 2019", Tạp chí Y học Việt Nam, tập 499, số 1-2, trang 169-173.

7. **Trần Thị Ngọc Vân, Cù Thanh Tuyền, Đặng Kim Loan, Hoàng Việt, Trinh Minh Hiệp, Hoàng Thy Nhac Vũ** (2019), "Mô tả tình hình sử dụng thuốc tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2017", Tạp chí Y Dược học Quân sự, tập 23, số 2, trang 21-29.
8. **International Diabetes Federation**, 2021, IDF Diabetes Atlas 10th edition 2021.

ĐẶC ĐIỂM HÌNH ẢNH CỘNG HƯỞNG TỪ XUNG ĐỘT THẦN KINH VII - MẠCH MÁU VÀ MỐI LIÊN QUAN VỚI KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BOTULINUM TOXIN Ở BỆNH NHÂN CO THẮT NỬA MẶT NGUYÊN PHÁT

Trương Huệ Linh¹, Nguyễn Văn Liệu^{1,2}, Vũ Thị Hình¹, Nguyễn Đoàn Thủy¹
Nguyễn Thu Hà¹, Kiều Thị Hậu¹, Phạm Ngọc Huyền¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm hình ảnh cộng hưởng từ xung đột thần kinh VII - mạch máu ở bệnh nhân co thắt nửa mặt nguyên phát và xác định mối liên quan của nó với mức độ nặng của bệnh và với hiệu quả điều trị bằng Botulinum toxin. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang, 58 bệnh nhân co thắt nửa mặt được chụp cộng hưởng từ dây VII và được điều trị bằng tiêm Dysport® tại bệnh viện đa khoa Tâm Anh trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 5/2022. **Kết quả:** 58 bệnh nhân, gồm 47 nữ (81%) và 11 nam (19%), tuổi trung bình là 57,1 ± 10,0. 96,6% bệnh nhân được phát hiện thấy có xung đột thần kinh VII với mạch máu trên chuỗi xung T2-CISS. Tác nhân là động mạch tiểu não dưới chiếm tỉ lệ cao nhất (56,9%). Xung đột ở vùng REZ/TZ chiếm 63,8%. Xung đột độ I chiếm 17,3%; độ II chiếm 56,9% và độ III (xung đột kép) chiếm 22,4%. Nguy cơ co thắt mức độ nặng đến rất nặng của nhóm có xung đột kép cao gấp 11,478 lần nhóm không phải xung đột kép. Khả năng điều trị bằng Botulinum toxin đạt hiệu quả tốt của nhóm không phải xung đột kép cao gấp 6,329 lần nhóm xung đột kép. **Kết luận:** Chụp cộng hưởng từ dựng xung T2-CISS cần thiết được thực hiện trên tất cả bệnh nhân co thắt nửa mặt để phát hiện và đánh giá đặc điểm của xung đột thần kinh VII - mạch máu. Khả năng điều trị bằng Botulinum toxin đạt hiệu quả tốt của nhóm không phải xung đột kép cao gấp 6,329 lần nhóm xung đột kép.

Từ khóa: Co thắt nửa mặt, xung đột thần kinh - mạch máu

SUMMARY

RESEARCH OF MRI IMAGING OF NEUROVASCULAR COMPRESSION AND ITS CORRELATION WITH EFFICACY OF TREATMENT BOTULINUM TOXIN IN PRIMARY HEMIFACIAL SPASM'S PATIENTS

Objectives: Description of the MRI-CISS imaging of facial nerve in primary hemifacial spasm's patients and of the correlation between neurovascular compression with efficacy of treatment botulinum toxin and with Jankovic disability rating scale. **Materials and methods:** Descriptive study. A total of 58 patients with primary hemifacial spasm were subject to 3D-CISS MRI of facial nerve and were treated by injections of botulinum toxin A (Dysport®) in Tam Anh Hospital from 6/2021 to 5/2022. **Results:** Fifty-eight patients (11 male, 47 female) were included in the study, the average age of 57,1 ± 10,0 years. T2-CISS revealed vascular compression in 96,6% patients (Grade I: 17,3%, grade II: 56,9%, grade III: 22,4%); 63,8% patients had artery compression or contact at REZ/TZ. The offending vessel was inferior cerebellar artery in 56,9% patients. The ability to achieve good efficacy of treatment of groups who have degree of neurovascular compression grade I and II is 6,329 times higher than that of grade III. **Conclusion:** We concluded that MRI T2-CISS should be performed in all primary hemifacial spasm's patients for detection and evaluation of neurovascular compression.

Keywords: Hemifacial spasm, neurovascular compression

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Co thắt nửa mặt là bệnh lý đặc trưng bởi các cử động co giật hoặc co cứng không chủ ý của các cơ ở một bên mặt do thần kinh VII cùng bên chi phối. Co thắt nửa mặt nguyên phát chiếm phần lớn các trường hợp, nguyên nhân chính là

¹Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh

²Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Trương Huệ Linh

Email: huelinh2202@gmail.com

Ngày nhận bài: 20.5.2022

Ngày phản biện khoa học: 29.6.2022

Ngày duyệt bài: 8.7.2022